



HIỆP HỘI NGÂN HÀNG VIỆT NAM
VIETNAM BANKS ASSOCIATION

NĂM THỨ XIX

Số 3+4
(372+373)

Tháng 2/2013

ISSN 1859-2805

THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

FINANCIAL & MONETARY MARKET REVIEW

Chúc Mừng Năm Mới

2013

XUÂN QUÝ TỶ





Chúc mừng năm mới

Trương Tấn Sang

Xuân Quý Tỵ
2013

TRƯƠNG TẤN SANG
Chủ tịch
Quốc hội Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

FINANCIAL & MONETARY MARKET REVIEW

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Dương Thu Hương
PGS, TS. Trần Thị Hà
PGS, TS. Đinh Thị Diên Hồng
TS. Hoàng Huy Hà
TS. Phùng Khắc Kế
PGS, TS. Nguyễn Thị Mùi
GS, TS. Dương Thị Bình Minh
GS, TS. Nguyễn Văn Nam
PGS, TS. Đỗ Tất Ngọc
TS. Vũ Viết Ngoạn
PGS, TS. Nguyễn Thị Nhung
PGS, TS. Nguyễn Ngọc Oánh
TS. Nguyễn Văn Thạnh
TS. Nguyễn Thanh Toại
ThS. Nguyễn Đức Vinh

TỔNG BIÊN TẬP

Trần Thị Thanh Bích

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Nguyễn Thị Thanh Hương

THƯ KÝ TOÀ SOẠN

Nguyễn Minh Phương

TRÌNH BÀY

Đặng Huy Hoàng

TOÀ SOẠN

193 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng,
TP. Hà Nội
Điện thoại: (04) 38218685;
39742309 38218683;
Fax: (04) 39742307
E.mail: taichinhthiente@yahoo.com
Website: http://www.vnba.org.vn
Tài khoản: Hiệp hội Ngân hàng Việt
Nam
Số hiệu: 10201000028161 tại Ngân
hàng TMCP Công thương Việt Nam
Chi nhánh Hà Nội
Số 6 Ngô Quyền, Hà Nội

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN PHÍA NAM

Số 8 Võ Văn Kiệt, Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 38216608; 38213957
Fax: (08) 38296076

GPXB số: 2238/GPXB của Bộ VH-TT

Chế bản điện tử tại Tòa soạn
In tại Xưởng in NXB Nông nghiệp

Giá: 30.000 đồng

Trong

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH:

4 TỪ LỜI DẠY CỦA BÁC ĐẾN CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP
HỒNG NHUNG



HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

6 XỬ LÝ HỢP KẾ LÀ MỘT TRONG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA NGÀNH
NGÂN HÀNG NĂM 2013
THANH HƯƠNG

10 HỘI NGHỊ LẦN THỨ NHẤT VÀ LỄ RA MẮT CẤU LẠC BỘ PHÁP CHẾ NGÂN HÀNG
VIỆT NAM
P.V.H

12 MỞ RỘNG QUAN HỆ HỢP TÁC NGÂN HÀNG VIỆT NAM VÀ CÁC QUỐC
TRONG KHỐI KINH TẾ VÀ TIỀN TỆ TRUNG PHỤ, TÂY PHỤ
LÊ ĐẮC CÙ

13 NHIỀU VIỆC CẦN LÀM TRONG NĂM 2013
NHÓM PV

16 "VIETCOMBANK LÀ MỘT NGÂN HÀNG ĐẠI DIỆN, TIÊU BIỂU CHO VIỆT NAM
TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG
ĐẶNG THÀNH

18 VIETINBANK "CÀNG KHÓ KHĂN, CÀNG TỎA SÁNG"
P.N

20 BIDV KHẮNG ĐỊNH VAI TRÒ, VỊ THẾ ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH HÀNG ĐẦU CỦA
ĐẤT NƯỚC
MINH DUY

24 MB TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG CAO, LỢI NHUẬN ĐẠT MỨC KỶ VỌNG
THU THỦY

25 HDBANK ĐÓN NHẬN HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA
MAI ANH

26 KIENLONGBANK CHÍNH PHỤC TẤM CAO MỚI
THẠCH ANH

27 OCEANBANK "NGÂN HÀNG BÀN LỄ CÓ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG NHANH NHẤT
VIỆT NAM 2012"
THU HẰNG

28 CÁC TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP PHÉP ĐÓNG LOẠT TRIỂN KHAI DỊCH VỤ MUA BÁN
VÀNG MIẾNG
MINH PHƯƠNG

BIDV
CHIA SẺ CƠ HỘI, HỢP TÁC THÀNH CÔNG

**NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

ĐƠN VỊ TÀI TRỢ TẬP CHÍ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH TIỀN TỆ CHO SINH VIÊN HỌC VIỆN NGÂN HÀNG



DIỄN ĐÀN NGHIÊN CỨU VỀ TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

- 38 **CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ CẦN HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU TÁI CƠ CẤU NỀN KINH TẾ**
TS. TRẦN DU LỊCH
- 39 **SUY NGHỊ VỀ VẤN ĐỀ TÁI CẤU TRÚC NHTM VIỆT NAM**
PGS, TS. NGUYỄN THỊ NHUNG
- 44 **KINH TẾ VIỆT NAM CẦN PHÁT HUY CÁC ĐIỂM SÁNG VÀ KHẮC PHỤC 3 ĐIỂM NGHÈN**
TS. NGUYỄN ĐẠI LAI
- 47 **MỐI QUAN HỆ GIỮA LẠM PHÁT VÀ TĂNG TRƯỞNG**
ThS. NGUYỄN THU TRANG-ThS. NGUYỄN THỊ MINH NGỌC
- 49 **NỢ XẤU CỦA CÁC TCTD Ở VIỆT NAM NGUYÊN NHÂN VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP**
ThS. NGUYỄN THỊ THANH TÚ-NGUYỄN HỒNG NHUNG
- 55 **CƠ CHẾ LÃI SUẤT ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH VI MÔ Ở VIỆT NAM**
ThS. NGUYỄN VĂN CHIẾN
- 58 **GIẢI CỨU THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN MỘT MÙI TÊN TRUNG NHIỀU ĐÍCH**
VĂN TẠO
- 61 **QUẢN TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG NGOẠI BẢNG TRONG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**
ThS. NGUYỄN MINH SÁNG-NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG
- 66 **TIẾP TỤC DUY TRÌ SỰ ỔN ĐỊNH VÀ BỀN VỮNG CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**
LAM SƠN



NHIN RA THẾ GIỚI

- 68 **TOÀN CẢNH KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH TIỀN TỆ THẾ GIỚI NĂM 2012**
ThS. NGUYỄN THỊ MINH NGỌC- ThS. TRẦN NGỌC LAN
- 72 **CÁC GIẢI PHÁP NHẪM ĐẢM BẢO TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG CỦA THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH**
HẢI YẾN
- 74 **GIẢI QUYẾT NỢ XẤU BẰNG HOẠT ĐỘNG MUA BÁN NỢ: MỘT SỐ KINH NGHIỆM CHÂU Á GIAI ĐOẠN 1998-2004**
TS. LÊ THANH TÙNG
- 76 **CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ VÀNG CỦA TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ**
PHÍ ĐĂNG MINH
- 78 **TOP 10 RỦI RO VÀ TOP 10 CƠ HỘI KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2013**
NGÔ THÁI HƯƠNG
- 80 **"NGÂN HÀNG NGẦM" VÀ NHỮNG HỆ LỤY**
PHẠM VĂN HIẾU



TƯ VẤN PHÁP LUẬT - NGHIỆP VỤ

- 84 **THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP THÁO GỠ KHÓ KHĂN CHO SKKD, HỖ TRỢ THỊ TRƯỜNG, GIẢI QUYẾT NỢ XẤU**
XUÂN THANH



VĂN HOÁ - XÃ HỘI



Quản trị rủi ro hoạt động ngoại bảng TRONG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

ThS. NGUYỄN MINH SÁNG
NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG

CHO ĐẾN NAY, HỆ THỐNG NHTM VIỆT NAM ĐÃ KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN, HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA MÌNH ĐỂ PHÙ HỢP VỚI XU HƯỚNG TOÀN CẦU HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ THẾ GIỚI. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI CŨNG NHƯ SỰ THAY ĐỔI MẠNH MẼ CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ ĐÃ CHO RA ĐỜI CÁC SẢN PHẨM TÀI CHÍNH MỚI - TRONG ĐÓ CÓ CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI BẢNG, MỘT HÌNH THỨC PHÁT TRIỂN MỚI CHO CÁC NGÂN HÀNG.



Hoạt động ngoại bảng và rủi ro hoạt động ngoại bảng

Hoạt động ngoại bảng (*off-balance sheet - OBS*) dùng để chỉ các hoạt động liên quan đến các dạng cam kết hay hợp đồng tạo ra nguồn thu nhập cho ngân hàng nhưng không được ghi nhận như Tài sản hay Nợ theo thủ tục kế toán thông thường.

Nguyên nhân phát triển các hoạt động ngoại bảng là do các hoạt động ngoại bảng sẽ tăng thêm thu nhập dưới hình thức hoa hồng hay thu phí để bù đắp cho sự giảm thấp thu nhập các nghiệp vụ truyền thống của ngân hàng. Ngoài ra, khi thực hiện các hoạt động ngoại bảng, các NHTM còn có thể tránh được các khoản chi phí về thuế và chi phí về dự trữ bắt buộc, chi phí cho bảo hiểm tiền gửi và một số các khoản chi phí khác không phải áp dụng cho các hoạt động ngoại bảng. Những năm gần đây, tốc độ phát triển của các hoạt động ngoại bảng gia tăng nhiều hơn so với các hoạt động nội bảng truyền thống. Nhiều hoạt động ngoại bảng làm gia tăng thêm rủi ro tiềm ẩn cho ngân hàng.

Theo sự phân loại của Tổ chức bảo hiểm tiền gửi Liên bang Mỹ (FDIC), các hoạt động ngoại bảng bao gồm các hoạt động sau: Các hoạt động phái sinh (*Off-balance sheet Items*); Các hoạt động cho vay ngoại bảng (*Off-balance sheet Lending Activities*); Chuyển giao tài sản ngoại bảng (*Off-balance sheet Asset Transfer*); Khoản nợ tiềm ẩn ngoại bảng (*Off-balance sheet Contingent Liabilities*).

◆ Hiệp hội Hoán đổi và Phái sinh quốc tế (ISDA - International Swaps and Derivatives Association) phân loại các các loại phái sinh bao gồm: phái sinh tín dụng (*Credit Derivatives*), phái sinh cổ phiếu (*Equity Derivatives*), phái sinh lãi suất (*Interest rates Derivatives*), phái sinh ngoại hối (*FX Derivatives*), phái sinh hàng hóa (*Commodities Derivatives*) và các loại phái sinh khác.

Việc sử dụng các hợp đồng phái sinh dưới dạng tương lai, kỳ hạn, quyền chọn và hoán đổi tăng nhanh đã đóng góp rất nhiều vào sự gia tăng của các hoạt động ngoại bảng. Các sản phẩm tài chính này tạo ra nguồn thu nhập phí và cung cấp các

công cụ phòng ngừa rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá. Tuy nhiên, chúng cũng dẫn đến những rủi ro khác cho ngân hàng. Khủng hoảng tài chính Châu Á 1997-1998 đã làm cho các ngân hàng có trạng thái lớn trong thị trường chứng khoán phái sinh Châu Á bị thua lỗ lớn. Những ví dụ đáng chú ý khác về rủi ro sử dụng các sản phẩm phái sinh là sự sụp đổ của ngân hàng đầu tư Barings ở Anh và sự phá sản của Quận Cam ở California những năm 1990.

◆ Hoạt động cho vay ngoại bảng khác với cho vay thông thường ở chỗ là các khoản vay ngoại bảng ở dưới dạng cam kết trước và việc sử dụng khoản vay đó hay không tùy thuộc vào tình hình thực tế của khách hàng. Các hoạt động cho vay ngoại bảng gồm có các loại thư tín dụng (thư tín dụng lưu hành - *Travelers Letter of Credit*, thư tín dụng thương mại - *Commercial Letter of Credit*, thư tín dụng dự phòng - *Standby letter of credit - SBLC*) và cam kết cho vay.

◆ Chuyển giao tài sản ngoại bảng bao gồm các dịch vụ liên quan đến thế chấp ngân hàng (*Mortgage Banking*); bán tài

sản có quyền truy đòi (*Assets Sold with Recourse*) và các hình thức thay thế tín dụng trực tiếp.

♦ Các khoản nợ tiềm ẩn ngoại bảng bao gồm các hình thức sau: thương phiếu được đảm bảo bằng tài sản (*Asset-backed Commercial Paper Programs*); chấp phiếu ngân hàng (*Bankers Acceptances*); hợp đồng bảo lãnh phát hành (*RUF-Revolving Underwriting Facilities*).

Mặc dù các hoạt động ngoại bảng đem lại nhiều lợi ích cho ngân hàng như làm tăng thu nhập, đa dạng hoạt động kinh doanh, giảm chi phí... Tuy nhiên, khi thực hiện các hoạt động này thì ngân hàng cũng phải chịu không ít rủi ro. Về nguyên tắc, các rủi ro liên quan đến các hoạt động ngoại bảng, bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất và rủi ro thị trường không khác gì với các rủi ro liên quan đến các hoạt động nội bảng, nhưng việc xác định rủi ro gặp nhiều khó khăn bởi vì các hoạt động ngoại bảng là những hoạt động phức tạp.

Tiềm năng phát triển hoạt động ngoại bảng ở hệ thống NHTM Việt Nam

Ở Việt Nam hiện nay đã xuất hiện nhiều yếu tố tiềm năng để phát triển hoạt động ngoại bảng, mặc dù, ở góc độ nào đó thì một số nhân tố mang tính tiêu cực cho thị trường. Các nhân tố tiềm năng cho sự phát triển hoạt động ngoại bảng bao gồm một số điểm như sau:

♦ Hiện nay, hoạt động huy động vốn ở các NHTM gặp nhiều khó khăn, miếng bánh thị trường huy động vốn của các ngân hàng đang có sự dịch chuyển nhanh chóng giữa các khối ngân hàng. Thêm vào đó là sự quản lý chặt chẽ của NHNN về lãi suất huy động làm ảnh hưởng đến khả năng huy động, gây áp lực khả năng thanh khoản cho các ngân hàng.

Bên cạnh đó, hoạt động tín dụng tăng chậm: ngoài việc khó khăn thanh khoản của một số ngân hàng khiến nguồn cung tín dụng bị hạn chế, lãi suất huy động có thời gian tăng đẩy lãi suất cho vay vượt quá sức chịu đựng của doanh nghiệp là một trong những nguyên nhân khiến tín dụng tăng ít, thậm chí có xu hướng giảm. Quy định bỏ tỷ lệ cấp tín dụng từ nguồn vốn huy động trong Thông tư 13 và 19 năm 2010 cùng sự ra đời của nhóm G12+1 với cam

kết đưa lãi suất cho vay về mức quanh 17-19%/năm cũng không giúp tình hình tăng trưởng tín dụng có nhiều cải thiện. Năm 2012, quy mô được phép tăng trưởng tín dụng hạn hẹp vì NHNN áp dụng mức tăng trưởng tín dụng đối với các ngân hàng cụ thể.

Có thể nói, hoạt động cho vay và huy động của các NHTM Việt Nam đang gặp khó khăn, khả năng kiếm được nhiều lợi nhuận từ hình thức này có vẻ không còn khả quan và hoạt động ngoại bảng là "mảnh đất" tiềm năng cho các ngân hàng hoạt động.

♦ Việt Nam đang theo hướng tham gia vào sân chơi quốc tế, điều này đem lại nhiều cơ hội cho các NHTM Việt Nam học hỏi, thay đổi để phát triển. Tuy nhiên, sự cạnh tranh gay gắt là điều không thể tránh khỏi. Cạnh tranh với NH nước ngoài sẽ gia tăng do quy định hạn chế đối với NH nước ngoài (vốn điều lệ, tổng tài sản, thời gian hoạt động, hình thức, lĩnh vực hoạt động) đã được dỡ bỏ năm 2011 theo lộ trình sau khi Việt Nam gia nhập WTO. Để tồn tại, các NHTM phải đáp ứng được nhu cầu đa dạng của khách hàng không chỉ trong mà cả ngoài nước, đa dạng hóa dịch vụ, sản phẩm từ nội bảng đến ngoại bảng để theo kịp chuẩn mực của quốc tế, duy trì cũng như mở rộng quan hệ với khách hàng.

♦ Sự biến động của lãi suất, tỷ giá là một trong những vấn đề luôn được đề cập hiện nay. Mặc dù đã có sự điều tiết của Nhà nước nhưng các NHTM vẫn đang tìm các giải pháp để phòng ngừa rủi ro cho

chính mình. Lợi ích nổi bật của các công cụ phái sinh là phòng ngừa hiệu quả các rủi ro lãi suất, tỷ giá hay sự e ngại về rủi ro từ hoạt động cho vay truyền thống cho các NHTM, giúp các doanh nghiệp cân đối luồng tiền, cơ cấu lại tài sản nợ và giảm bớt được các chi phí.

♦ Riêng thị trường phái sinh tín dụng có thể sẽ sớm hình thành tại Việt Nam do nhu cầu sử dụng các công cụ phái sinh tín dụng là rất lớn. Nhu cầu này xuất phát từ nhiều nguyên nhân sau:

♦ Nợ xấu và nợ quá hạn của các NHTMCP Việt Nam tăng cao. Hiện nay, theo báo cáo của NHNN, tỷ lệ nợ xấu của toàn hệ thống ngân hàng là 10%, cao hơn mức 3,3% vào cuối năm 2011.

♦ Mức độ tập trung vốn của danh mục tín dụng cao ở nhiều NHTMCP. Đa số các NHTM Việt Nam, đặc biệt là các ngân hàng có vốn nhỏ thì mức độ tập trung của danh mục cao, thiếu sự đa dạng hóa. Trong khoảng thời gian ngắn thì việc tái cơ cấu danh mục là điều không thể vì các ngân hàng không có công cụ nào khác ngoài việc tăng cường thu hồi xử lý nợ.

♦ Việc xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xếp hạng nội bộ là tiền đề để phát triển công cụ phái sinh tín dụng. Hiện nay, các NHTM Việt Nam chưa xây dựng được hệ thống đánh giá rủi ro hiệu quả, phản ánh đầy đủ rủi ro tín dụng. Nhưng các NHTM đang theo tiêu chuẩn của Basel và quyết định của NHNN để hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín nhiệm của mình, giúp định giá được rủi ro tín dụng của các khoản vay –



Những năm gần đây, tốc độ phát triển của các hoạt động ngoại bảng gia tăng nhiều hơn so với các hoạt động nội bảng truyền thống.

chính là hàng hóa cho thị trường phái sinh tín dụng, mở đường cho các NHTM tham gia vào thị trường này.

♦ Thị trường trái phiếu sẽ hỗ trợ rất lớn trong việc cung cấp nguyên liệu cho các giao dịch phái sinh. Tài sản tham chiếu cho các giao dịch phái sinh ngoài các khoản vay còn bao gồm các loại trái phiếu chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp. Thị trường trái phiếu phát triển tác động đến thị trường phái sinh tín dụng thông qua việc cung cấp nguyên liệu cho thị trường phái sinh tín dụng hoạt động.

♦ Xu hướng chuyên môn hóa trong các lĩnh vực của các NHTMCP Việt Nam sẽ tạo động lực cho các ngân hàng tham gia vào thị trường phái sinh. Ví dụ: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đi đầu trong lĩnh vực nông nghiệp, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển mạnh về tài trợ dự án phát triển... Việc chuyên môn hóa như vậy xác lập mối quan hệ bền vững giữa ngân hàng và khách hàng, giảm bớt chi phí cho thẩm định và tăng kinh nghiệm cho cán bộ tín dụng trong lĩnh vực này. Do đó, việc thay đổi danh mục là điều khó khăn. Việc sử dụng các công cụ phái sinh tín dụng là giải pháp hiệu quả cho các ngân hàng trong việc điều chỉnh danh mục mà vẫn đảm bảo mối quan hệ này.

Hiện nay, quản trị rủi ro của các NHTM Việt Nam vẫn đang trong quá trình xây dựng cho nên vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, cho nên quy trình quản trị rủi ro hoạt động kinh doanh ngân hàng vẫn chưa hoàn thiện cũng như chưa đủ để có thể quản lý được các rủi ro hiện tại – chủ yếu là hoạt động nội bảng, chứ chưa kể đến khi hoạt động ngoại bảng được phép phát triển ở Việt Nam.

Thứ nhất, có ít ngân hàng có một bộ phận chuyên trách về rủi ro độc lập, hầu hết các NHTM coi mảng quản trị rủi ro chỉ là hoạt động hỗ trợ. Thói quen của các cán bộ làm công tác quản trị rủi ro hay các cán bộ liên quan thường coi quản trị rủi ro là công việc thường nhật, mang tính chất thủ tục, báo cáo nhiều hơn. Ví dụ, khi có khách hàng đến xin vay thì sẽ có một danh sách những điều kiện cần kiểm tra theo các tiêu chí có sẵn.... Trên thực tế, công tác quản trị rủi ro không đơn giản như vậy, hoạt động kinh doanh ngân hàng là hoạt động kinh

doanh rủi ro, do đó phải coi quản trị rủi ro là một bộ phận của ngân hàng, có quy mô và tổ chức.

Thứ hai, hạn chế trong công tác phối hợp quản trị rủi ro tại ngân hàng. Ở hệ thống NHTM Việt Nam, việc quản trị rủi ro tín dụng do Hội đồng tín dụng quản lý còn rủi ro thị trường do Hội đồng ALCO quản lý. Các loại rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, khi xảy ra rủi ro về lãi suất sẽ làm ảnh hưởng tới rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản của ngân hàng và ngược lại, nhưng hiện nay công tác phối hợp để quản lý rủi ro còn nhiều hạn chế, các quyết định quản trị rủi ro độc lập có thể làm ảnh hưởng xấu tới việc quản lý các rủi ro khác.

Thứ ba, hạn chế về công nghệ và nguồn nhân lực. Nguồn nhân lực không đủ cho công tác quản trị rủi ro, vừa ít vừa đảm nhận khối lượng công việc lớn. Bên cạnh đó, chất lượng chuyên môn của đội ngũ quản trị rủi ro cũng là điều đáng bàn. Hệ thống công nghệ thông tin hiện nay còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu quản lý dữ liệu, làm ảnh hưởng đến việc theo dõi và dự báo được các loại rủi ro tại từng thời điểm. Hơn nữa, các phương pháp đo lường rủi ro, kỹ thuật tính toán hoàn toàn chưa đáp ứng được với nhu cầu giám sát, kiểm soát diễn biến của các khoản rủi ro trên thị trường và đưa ra các biện pháp phòng hộ thích hợp.

Thứ tư, về hoạt động định hướng, dự báo rủi ro hoạt động ngoại bảng. Hai hoạt động chưa được tách biệt thành giai đoạn độc lập trong quy trình quản trị rủi ro, trong khi đây là một trong những quy trình có vai trò quan trọng trong việc ra quyết định của nhà quản trị.

Thứ năm, về hoạt động đo lường rủi ro hoạt động ngoại bảng. Trong hoạt động đo lường rủi ro trong hoạt động ngân hàng, hầu hết các ngân hàng chỉ chú ý đến việc làm theo quy định, chỉ đạo của NHNN mà không xây dựng thêm cho riêng mình các công cụ đo lường khác. Ví dụ cụ thể cho 3 loại rủi ro tín dụng, lãi suất và thanh khoản:

Đo lường rủi ro tín dụng. Các ngân hàng thực hiện việc phân loại các khoản cho vay, cam kết, bảo lãnh ngoại bảng và trích lập, sử dụng dự phòng theo quy định của NHNN. Do đó, hầu hết các ngân hàng

Việt Nam đa phần vẫn áp dụng việc trích lập dự phòng theo “tuổi nợ”, chỉ có một số ngân hàng đã có hệ thống xếp hạng tương đối hiệu quả và sử dụng phương pháp định tính để xác định mức độ rủi ro các khoản tín dụng, từ đó trích lập dự phòng theo tỷ lệ thích hợp. Tuy nhiên, nếu các ngân hàng thực hiện việc xác định được chính xác tổn thất ước tính dự tính thì việc trích lập trở nên dễ dàng, đơn giản và hiệu quả và chính xác hơn. Hơn thế nữa, xác định chính xác tổn thất có thể dự tính sẽ giúp các ngân hàng xác định chính xác giá trị khoản vay, điều này sẽ phục vụ hiệu quả cho tiến trình thực hiện quy trình hoán đổi tín dụng, hay chứng khoán hóa khoản vay của các NHTM sau này – một xu thế tất yếu của các NHTM Việt Nam sau này. Việc xác định tổn thất đã được hướng dẫn của Ủy ban Basel trong đó có bao gồm các hoạt động ngoại bảng.

Đo lường rủi ro lãi suất. Hầu hết các NHTM Việt Nam chỉ mới sử dụng phương pháp lượng hóa và quản trị rủi ro lãi suất đơn giản nhất là dựa vào khe hở nhạy cảm lãi suất – đây là yêu cầu bắt buộc của NHNN trong việc lập báo cáo tài chính của NHTM. Với phương pháp khe hở nhạy cảm lãi suất chỉ nói lên giá trị thu nhập ròng của ngân hàng sẽ thay đổi như thế nào khi lãi suất thay đổi chứ chưa nói gì đến giá trị tổn thất là bao nhiêu và xác suất bao nhiêu. Các hoạt động ngoại bảng hiện có tại các NHTM cũng được xem xét khi đánh giá rủi ro lãi suất của các ngân hàng nhưng hầu hết là không bị ảnh hưởng của lãi suất. Trong khi đó, các cam kết mua bán quyền chọn hay các hợp đồng hoán đổi lãi suất lại không được xem xét khi đánh giá rủi ro lãi suất. Điều đó cho thấy, rủi ro lãi suất không chỉ dừng lại ở mô hình khe hở lãi suất mà phải mở rộng ở các phương pháp có hiệu quả và đo lường chính xác hơn.

Đo lường rủi ro thanh khoản. Hiện nay, các NHTM hầu hết đều áp dụng phương pháp “chỉ số”, lập báo cáo trạng thái thanh khoản ròng trong báo cáo tài chính theo quy định của NHNN. Theo quan điểm của nhóm tác giả, đây chỉ là phương pháp thích hợp cho việc quản trị rủi ro thanh khoản cho các hoạt động truyền thống như huy động vốn và cho vay nội bảng, mang tính chất báo cáo hơn là thực tế. Quan trọng là



Các hoạt động ngoại bảng hiện có tại các NHTM cũng được xem xét khi đánh giá rủi ro lãi suất của các ngân hàng nhưng hầu hết là không bị ảnh hưởng của lãi suất.

các ngân hàng thực hiện ước lượng dòng tiền trong hoạt động như thế nào, thời gian sử dụng lúc nào để điều tiết cho hiệu quả. Điều đó, đòi hỏi các ngân hàng cần thực hiện thêm các công cụ khác như Kế hoạch vốn dự phòng, Thang đáo hạn... để xem xét và đảm bảo độ thanh khoản của ngân hàng cho cả hoạt động nội bảng và đặc biệt là hoạt động ngoại bảng, khi mà các cam kết, thư tín dụng, bảo lãnh có thể xảy ra bất ngờ cho ngân hàng. Khi các hoạt động ngoại bảng phát triển ở Việt Nam thì vấn đề thanh khoản lại đòi hỏi sự chú ý nhiều hơn của các ngân hàng, do các hoạt động này mang tính chất "bất ngờ" cho các ngân hàng.

Thứ sáu, hoạt động kiểm soát, giám sát Hệ thống kiểm toán nội bộ tham gia vào quy trình quản trị rủi ro mà chưa thực sự hoạt động độc lập đúng như vai trò kiểm soát viên như các nghiệp vụ khác của ngân hàng.

Thực tế cho dù quy trình quản trị rủi ro của các NHTM Việt Nam đã được xây dựng và dẫn đi vào ổn định nhưng đòi hỏi phải không ngừng nâng cao và hoàn thiện để quản trị được mọi rủi ro trong hoạt động ngân hàng, đặc biệt là rủi ro khi hoạt động ngoại bảng được phát triển và mở rộng tại Việt Nam, nhằm mục tiêu cao nhất là hạn chế rủi ro trong mức độ cho phép. Do đó, mỗi giai đoạn, mỗi hoạt động trong quy trình, ngân hàng cần theo dõi và cải tiến sao cho hiệu quả công việc là tối ưu. Một

số đề xuất với các NHTM tại Việt Nam nhằm góp phần hoàn thiện quy trình quản trị rủi ro nói chung như sau:

Một là, các NHTM cần nghiên cứu và xây dựng mô hình, bộ phận chuyên trách về rủi ro. Khi xây dựng mô hình chuyên về rủi ro thì các NHTM sẽ coi quản trị rủi ro là một hoạt động của ngân hàng, chủ động trong việc quản trị rủi ro chứ không coi nó như một hoạt động hỗ trợ như hiện nay. Các ngân hàng cần xây dựng một hội đồng rủi ro cho ngân hàng để kiểm soát, quản lý danh mục rủi ro phù hợp với mức chấp nhận rủi ro. Trong đó, các rủi ro được phân chia cụ thể cho từng bộ phận chuyên trách cũng như hội đồng quản lý. Điều này sẽ thuận lợi cho ngân hàng khi quản lý các rủi ro cho ngân hàng, đặc biệt là các hoạt động phức tạp như hoạt động ngoại bảng.

Hai là, nâng cao hiệu quả trong công tác phối hợp quản trị rủi ro: Mặc dù các loại rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng đều có mối liên hệ qua lại và đều có gây ra tổn thất cho ngân hàng. Tuy nhiên, hiện nay hệ thống NHTM Việt Nam chỉ chú trọng đến những rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường của hoạt động nội bảng mà chưa quan tâm nhiều đến quản trị rủi ro hoạt động ngoại bảng. Hội đồng quản trị cần xây dựng cơ chế phối hợp hành động giữa các Hội đồng phụ trách quản lý rủi ro để đưa ra các quyết định quản trị được đồng bộ, chính xác và hiệu

quả nhất.

Ba là, nâng cao chất lượng công nghệ và nguồn nhân lực: Các NHTM cần coi đây là những chiến lược dài hạn để phát triển ngân hàng. Nguồn nhân lực trong quy trình quản trị rủi ro nói chung cũng như trong quy trình quản trị rủi ro ngoại bảng nói riêng đòi hỏi phải có kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm cao. Do đó, các NHTM cần tạo điều kiện cho nhân viên trau dồi kiến thức và nâng cao kinh nghiệm bằng những chương trình đào tạo, thực hành ở trong nước và nước ngoài, đặc biệt là liên kết với các ngân hàng nước ngoài trong việc đào tạo nhân lực. Đối với chất lượng công nghệ, công nghệ core banking cần được nâng cấp để cập nhật các phương pháp đo lường và quản trị rủi ro lãi suất tiên tiến, phổ biến trên thế giới như mô hình đo lường rủi ro tín dụng theo Basel II, mô hình thời lượng và mô hình VaR trong rủi ro lãi suất hay xây dựng các kịch bản rủi ro... Chất lượng CNTT cần được cải thiện bằng cách không ngừng đầu tư trang thiết bị hiện đại và nâng cấp phần mềm hệ thống.

Bốn là, hoạt động Định hướng và Dự báo: Hội đồng quản trị có nhiệm vụ định hướng cho chính sách quản trị rủi ro cho ngân hàng trong một năm hoạt động. Để thực hiện được nhiệm vụ này đòi hỏi trình độ chuyên môn của Hội đồng quản trị về quản trị rủi ro, tầm nhìn của các nhà lãnh đạo. Do đó, trong Hội đồng quản trị cần có những thành viên là các chuyên gia về các mảng quản trị rủi ro trong ngân hàng như quản trị rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản..., đồng thời, Hội đồng quản trị cũng có thể xem xét thuê các đơn vị tư vấn chuyên nghiệp để xây dựng định hướng cho ngân hàng, cũng như đào tạo chuyên môn cho Hội đồng quản trị.

Hoạt động dự báo có vai trò quan trọng trong việc quyết định mức chấp nhận rủi ro cho ngân hàng, chứ không đơn thuần chỉ là mang tính chất báo cáo. Xây dựng bộ phận chuyên trách để hỗ trợ hội đồng rủi ro dự báo có chất lượng là điều cần làm cho công tác dự báo rủi ro hoạt động ngân hàng.

Năm là, hoạt động Đo lường: giai đoạn này các rủi ro được thể hiện vào trong những con số và mang ý nghĩa kinh

tế. Tuy nhiên, đây là mắt xích vẫn còn yếu nhất trong quy trình quản trị rủi ro của các ngân hàng. Hoạt động đo lường giúp ngân hàng ước lượng được rủi ro, nhưng với việc chỉ sử dụng các hình thức đơn giản, đặc biệt khi có sự tác động của hoạt động ngoại bảng làm cho các hình thức đo lường hiện tại của các ngân hàng chưa mang tính phản ánh chính xác cao, làm hạn chế các hoạt động tiếp theo trong quy trình. Do đó, các ngân hàng nên áp dụng các phương pháp mới, hiệu quả hơn. Từ kinh nghiệm đo lường trong quy trình quản trị rủi ro của các ngân hàng trên thế giới, các NHTM Việt Nam nên chú ý áp dụng các phương pháp đo lường vào trong quản trị rủi ro: sử dụng xếp hạng tín dụng nội bộ để tính toán yêu cầu về vốn và các nhân tố PD, EAD, LGD trong rủi ro tín dụng theo hướng dẫn của Basel III; đối với rủi ro lãi suất sử dụng mô hình thời lượng (*Duration*), mô hình hệ số nhạy cảm (*Factor Sensitivity – FS*), mô hình giá trị có thể tổn thất (*Value at Risk – VaR*); lập bảng chi tiết thời gian đáo hạn của các công cụ tài chính, bảng dòng tiền trong đo lường rủi ro thanh khoản... Để làm được điều đó, các NHTM phải nâng cấp hệ thống thông tin trong ngân hàng và nguồn nhân lực chất lượng cao của Bộ phận quản lý rủi ro trong ngân hàng.

Sáu là, hoạt động Kiểm soát và Giám sát: Hội đồng rủi ro và khối quản lý rủi ro chịu trách nhiệm chính trong việc kiểm soát rủi ro để đảm bảo mức rủi ro

luôn nằm trong giới hạn cho phép. Đối với các hoạt động ngoại bảng, việc kiểm soát rủi ro trong mức cho phép cần được quan tâm để giảm bớt bản chất “bất ngờ” của các hoạt động này. Để có khả năng ứng phó với các tình huống bất ngờ xảy ra, ngân hàng nên xây dựng quy trình kiểm soát chặt chẽ, phù hợp và cơ chế báo cáo kịp thời.

Hội đồng rủi ro và ban kiểm soát nội bộ có trách nhiệm xây dựng hệ thống giám sát rủi ro phù hợp với qui trình quản trị rủi ro của ngân hàng. Việc kiểm soát rủi ro bao gồm việc kiểm tra quá trình quản lý rủi ro và việc kiểm soát các hạn mức rủi ro do Hội đồng rủi ro đề ra có được tuân thủ hay không. Thông qua quá trình giám sát cần đưa ra những ý kiến độc lập thường xuyên và đánh giá hiệu quả của hệ thống quản trị. Theo kinh nghiệm trong quy trình quản trị rủi ro của các ngân hàng các nước, thông qua quá trình giám sát cần đưa ra được những đánh giá các cơ hội rủi ro – thu nhập mới cho ngân hàng và tư vấn tối ưu hóa danh mục rủi ro cho ngân hàng.

Kết luận

Gia nhập WTO để tham gia hội nhập vào sân chơi quốc tế, để phù hợp với hoạt động ngân hàng quốc tế và gia tăng lĩnh vực hoạt động cho hệ thống NHTM Việt Nam thì phát triển hoạt động ngoại bảng là xu hướng tất yếu của thị trường Ngân hàng Việt Nam. Bên cạnh đó, việc xem xét xây dựng quy trình quản trị rủi ro hoạt động

ngoại bảng nói riêng và quy trình quản trị rủi ro chung của ngân hàng là điều nhất mực cần thiết để đáp ứng chuẩn mực quốc tế và cũng là để cải tiến chính hoạt động quản trị rủi ro của hệ thống NHTM hiện nay.

Ứng dụng hoạt động ngoại bảng là hướng đi hợp lý cho lộ trình phát triển và mở rộng hoạt động ngân hàng trong quá trình hội nhập quốc tế và xây dựng quy trình quản trị rủi ro hoạt động ngoại bảng cũng như quy trình quản trị rủi ro chung cho toàn ngân hàng có hiệu quả là điều kiện thiết yếu để bảo vệ cho sự phát triển của ngân hàng trước những biến động của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới ■

Tài liệu tham khảo:

1. Bank for international settlements (1986), *The management of banks' off-balance-sheet exposures*, Working Paper.
2. Huỳnh Hoa (2011), *Ái gây ra khủng hoảng tài chính 2008?*, từ www.thesaigontimes.vn
3. James Gohary (2009), *Element risk management*, International Finance Corporation – IFC.
4. Mark Jickling (2010), *Causes of the Financial crisis*, the Congressional Research Service.
5. M. Kabir Hassan and Ahmad Khasawneh (2009), *The risk of OBS derivatives in US commercial bank*, Working Paper at Indiana State University.
6. Saibal Ghosh and D M Nachane (2002), *OBS activities in banking: Theory and Indian experience*, MPRA Paper from University Library of Munich, Germany.
7. The Federal Deposit Insurance Corporation (2005), *Risk management Manual of Examination Policies*, Section 3.8: *Off-Balance sheet activities*, the U.S Congress.
8. The United States General Accounting Office (1988), *Banking OBS activities Report*, U.S.
9. Trần Kim Long (2010), *Giải pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng việc ứng dụng các công cụ phái sinh tín dụng tại NHTMCP Sài Gòn*, Khóa luận tốt nghiệp đại học Ngân hàng TP.HCM.

Mở rộng...

(Tiếp theo trang 12)

ngân hàng để bảo đảm giao dịch thương mại; Về mặt thể chế, hợp thức hóa các thỏa thuận đối tác và chú ý tới việc thực hiện; Làm cho các công ty vận tải thấy cơ hội kinh doanh tồn tại giữa Châu Phi và Việt Nam; Xúc tiến đầu tư, chuyển giao công nghệ và kỹ năng.

Từ các tiến đề trên, hợp tác kinh tế giữa Việt Nam với các nước tiểu vùng Trung Phi, Tây Phi có nhiều triển vọng và các NHTM của Việt Nam cùng với các NHTM các nước thuộc các khu vực trên cần sớm xúc tiến các quan hệ hợp tác làm xúc tác cho tiến trình hợp tác kinh tế, mở

rộng đầu tư và thương mại.

Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam sẵn sàng hợp tác với các tổ chức hiệp hội ngân hàng các nước Khối Tây Phi, Trung Phi cũng như HHNH các nước tiểu vùng MeKong bằng việc:

Thúc đẩy, tạo điều kiện để các Hội viên Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam tiếp cận, đàm phán, tiến tới ký kết thỏa thuận hợp tác về mở rộng các dịch vụ NHTM phục vụ cho chủ trương mở rộng quan hệ buôn bán, hợp tác đầu tư cùng phát triển.

Khuyến nghị các NHTM của Việt Nam cùng với các NHTM thuộc các nước thành

viên thuộc Khối cộng đồng kinh tế và tiền tệ Trung Phi (CEMAC), Tây Phi (UEMOA) và các nước tiểu vùng sông MeKong nên đi đầu thực hiện vai trò là bà đỡ cho việc phát triển các quan hệ thanh toán, đảm bảo cho các dịch vụ mua/bán – trao đổi hàng hóa, mở rộng đầu tư giữa các nước - dường như vẫn còn một số trở ngại do chưa có sự đảm bảo về thanh toán của các NHTM hữu quan ở nơi này nơi kia đã gây hạn chế quan hệ trao đổi hàng hóa giữa các nước.

Từ quan hệ tốt đẹp giữa các nước về chính trị - ngoại giao phải biến thành quan hệ hợp tác kinh tế, thúc đẩy giao thương, khai thác các tiềm năng kinh tế của từng nước trong khu vực ■

LÊ ĐẮC CÙ